CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2024

CTCP Bia Hà Nội - Hải Dương

Ngày 30/09/2024	15,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-4.5%	**4.8%**	**0.3%**

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	12,727 - 17,186
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	60
Số lượng CPLH (CP)	4,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,160
Sở hữu nước ngoài	11.8%
Beta	0.15
EPS	1,833
P/E	8.2

DT thuần
Q3/24
61.5
tỷ VNĐ
QoQ: ▼3.60| -5.5%
YoY: ▼1.10| -1.7%

LN thuần
Q3/24
5.94
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.15| 2.6%
YoY: ▲ 1.19| 25.1%

LN sau thuế
Q3/24
4.75
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.08| -1.6%
YoY: ▲ 0.95| 25.1%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/24
9.7%
YoY: +/-▲ 0.8%

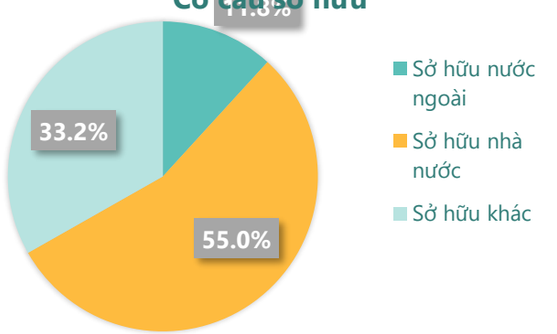
ROE (TTM)
Q3/24
9.7%
YoY: +/-▲ 1.3%

DT thuần
9T 2024
141
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1.00| 1.0%

LN thuần
9T 2024
10.7
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1.75| 19.5%

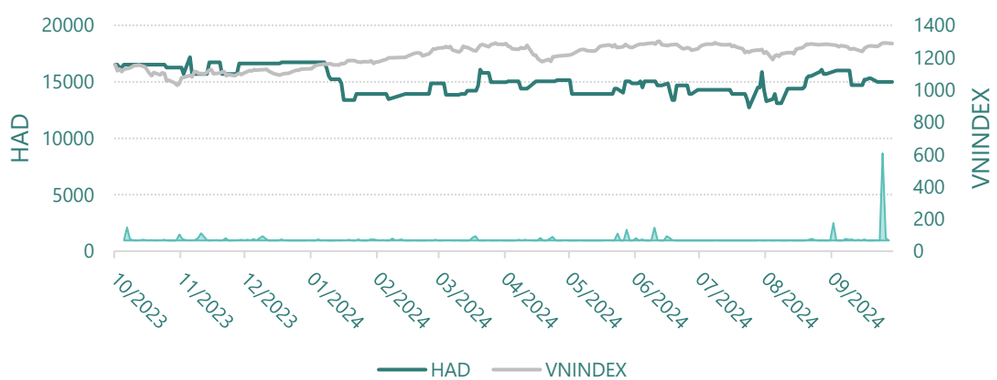
LN sau thuế
9T 2024
8.56
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1.33| 18.3%

Cơ cấu sở hữu

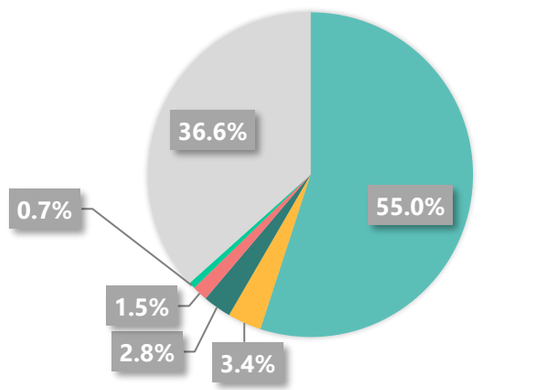


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



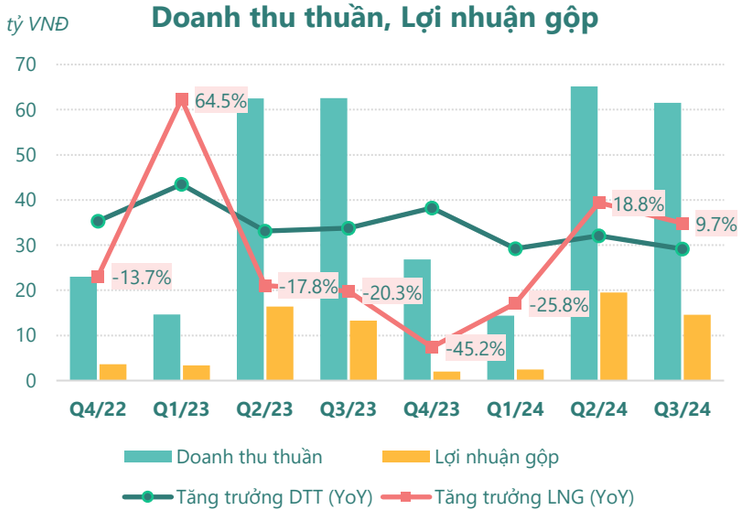
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

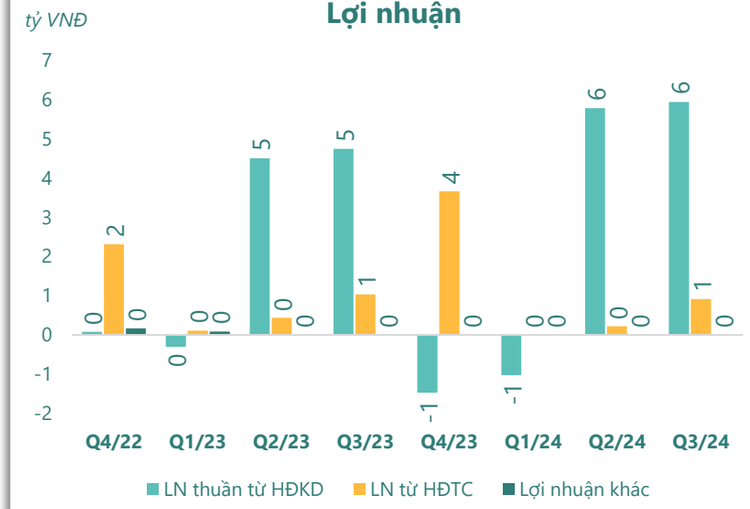
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



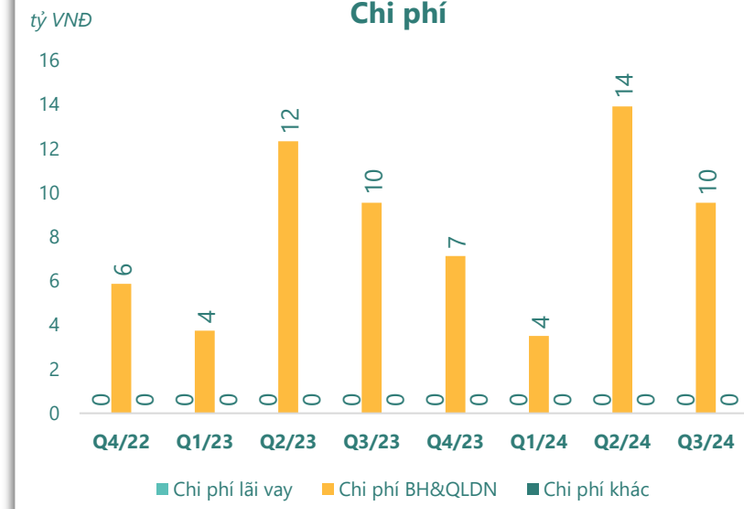
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



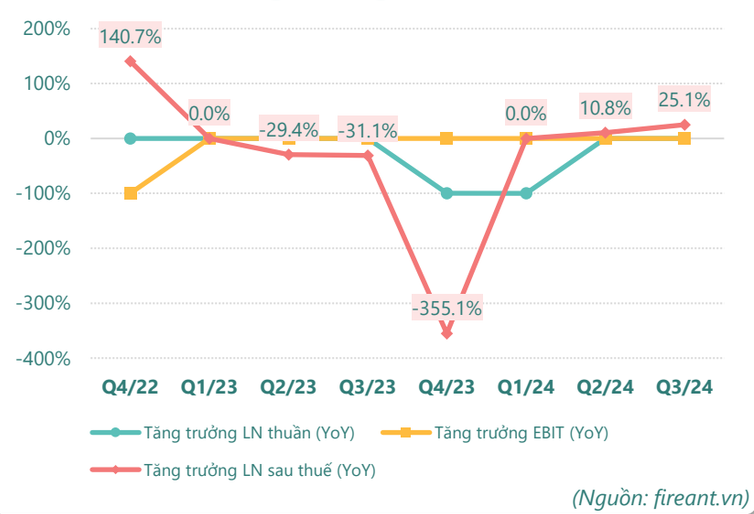
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



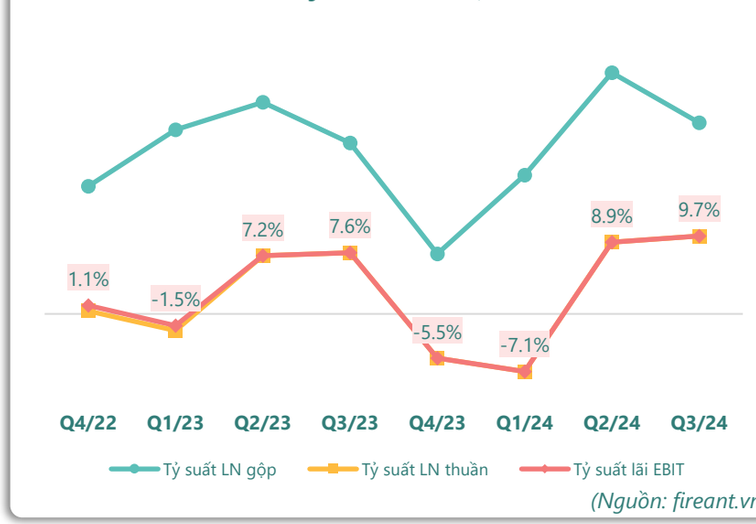
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



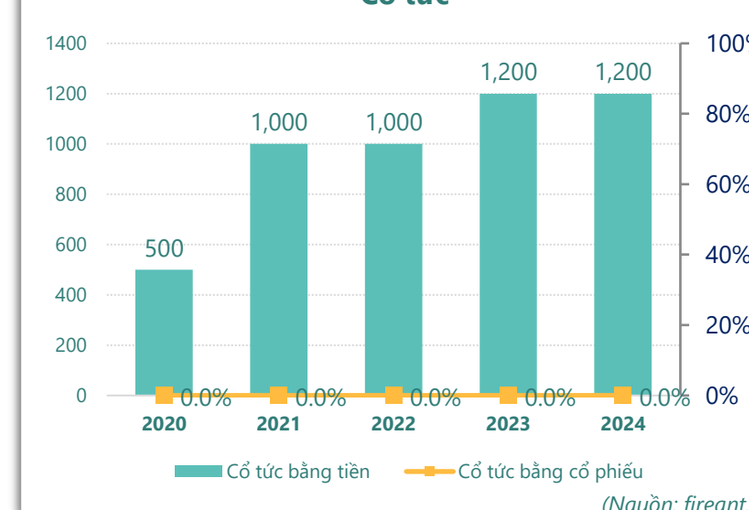
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

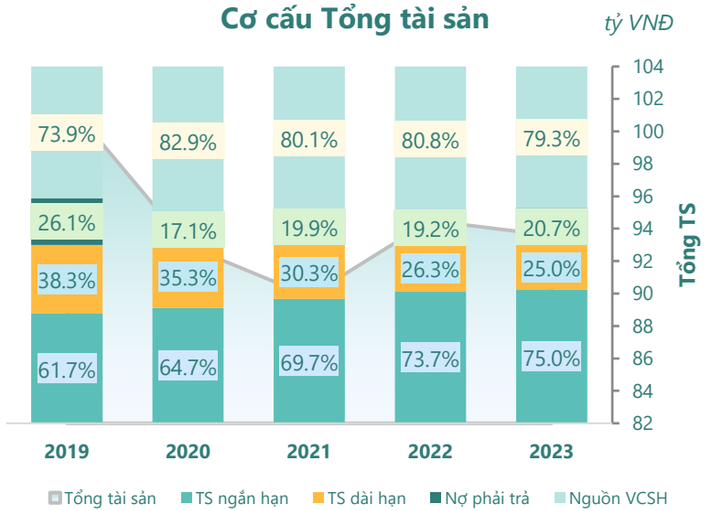
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

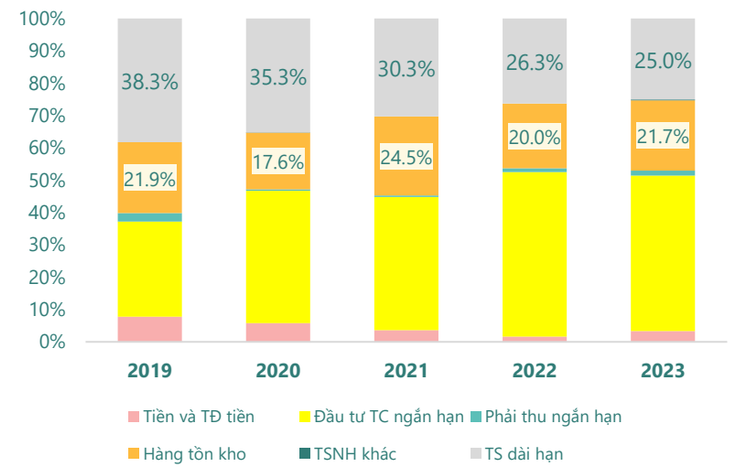
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



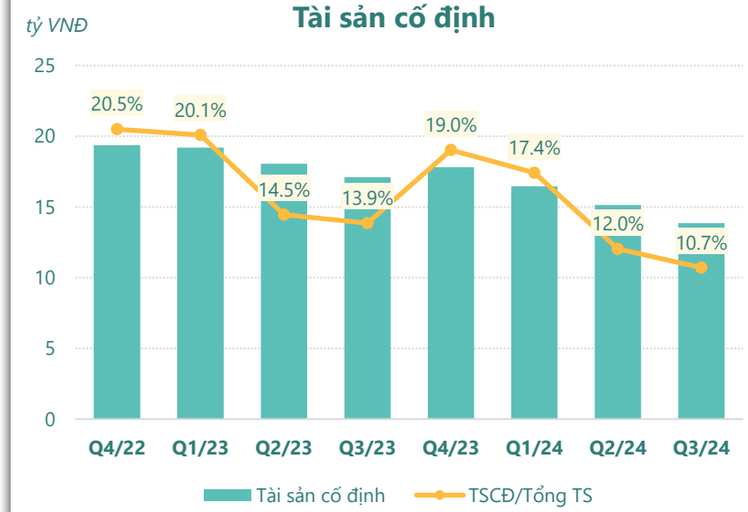
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



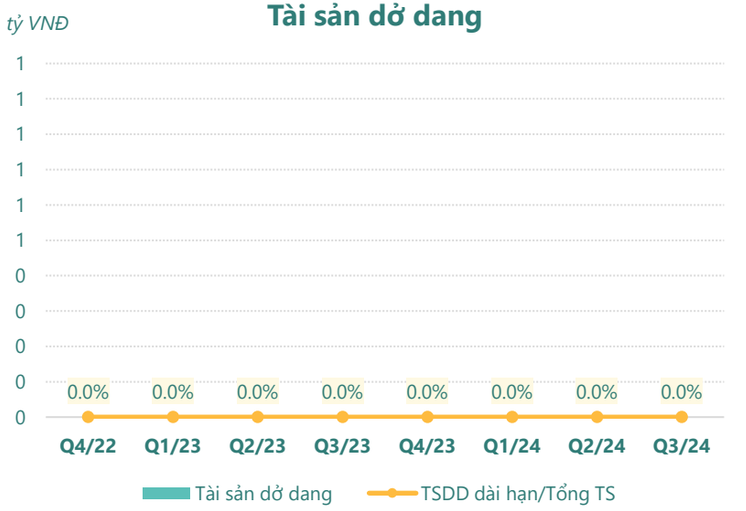
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



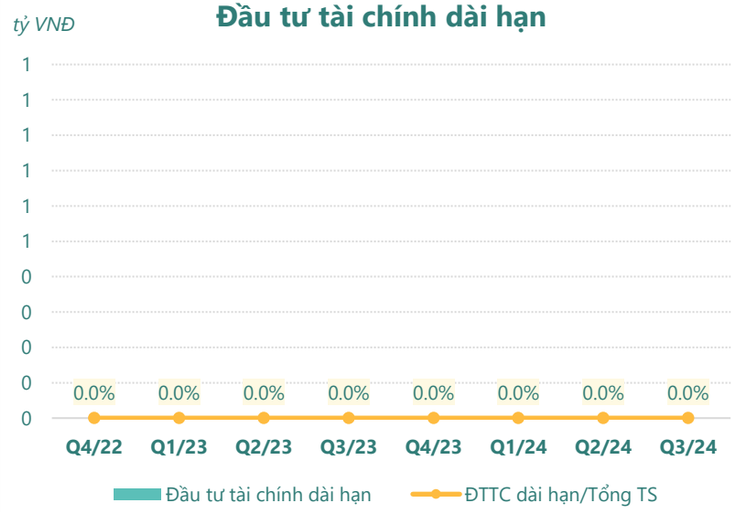
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



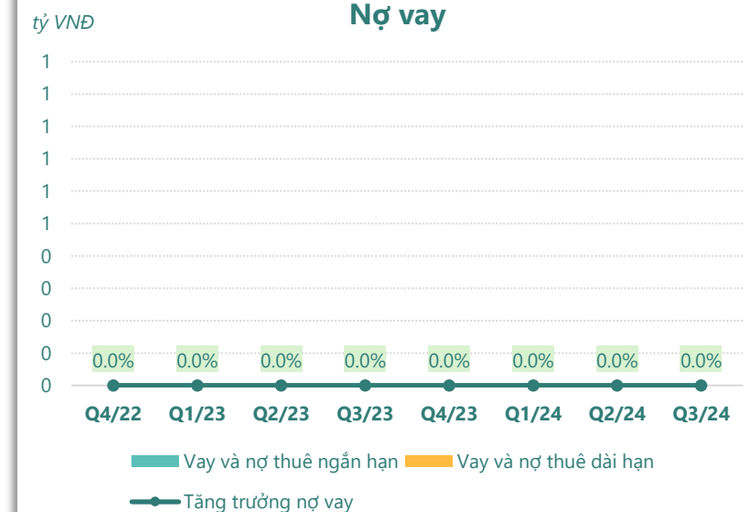
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

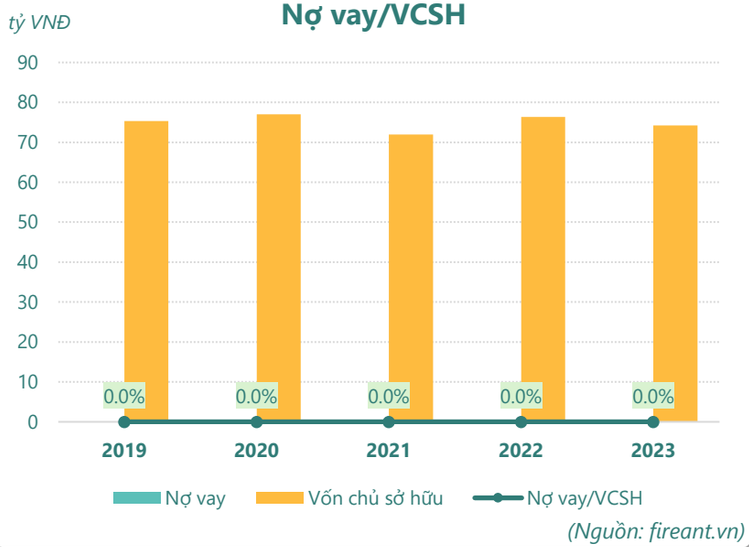
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

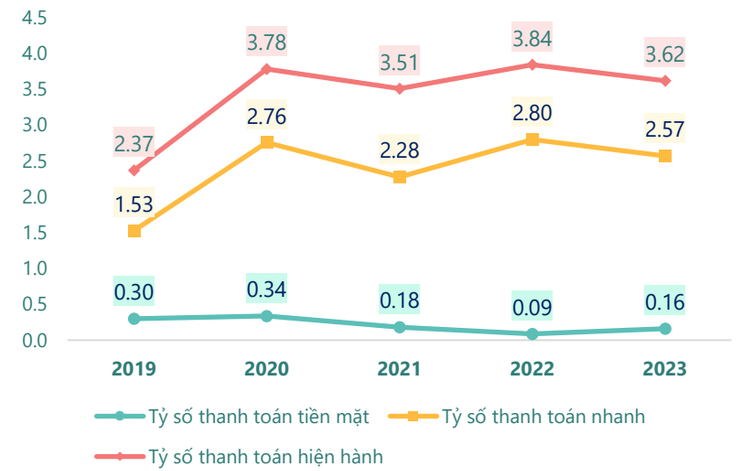
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



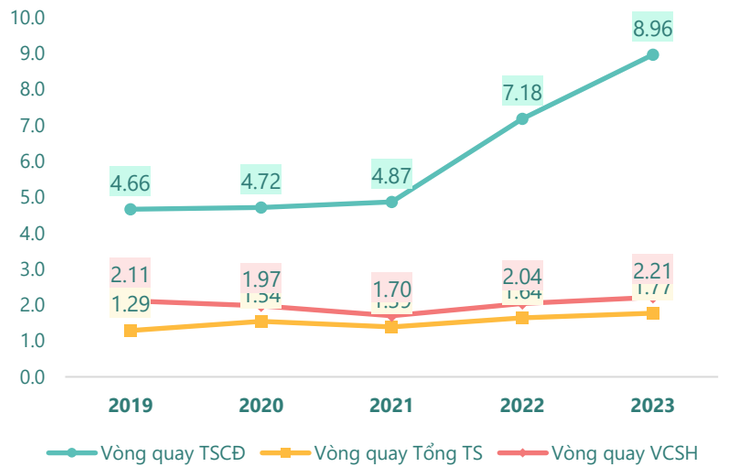
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



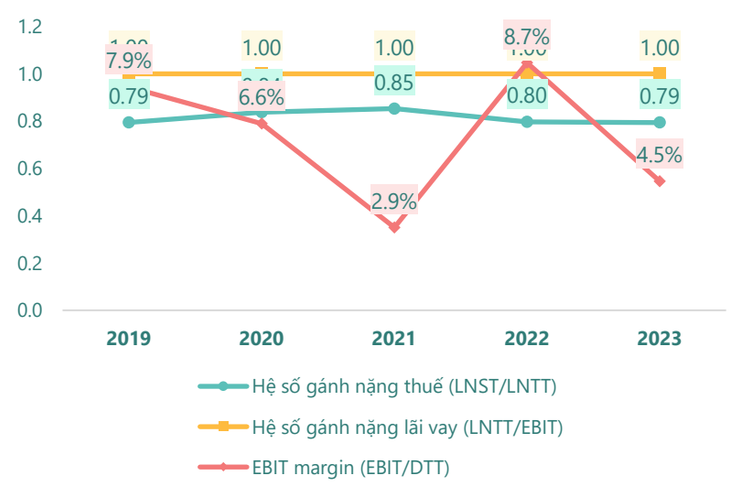
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



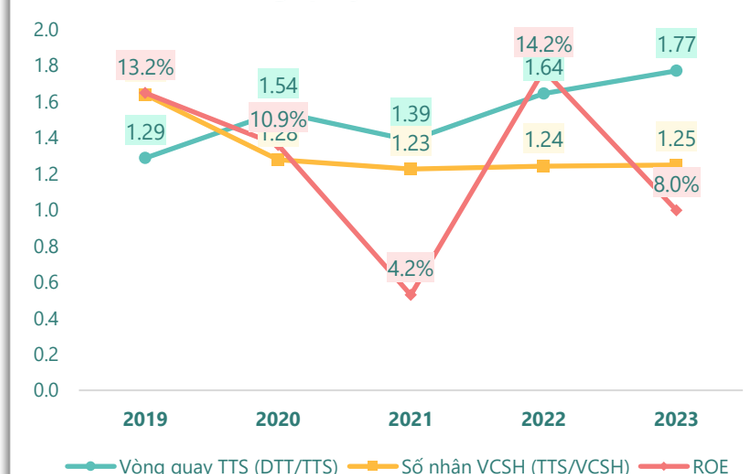
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



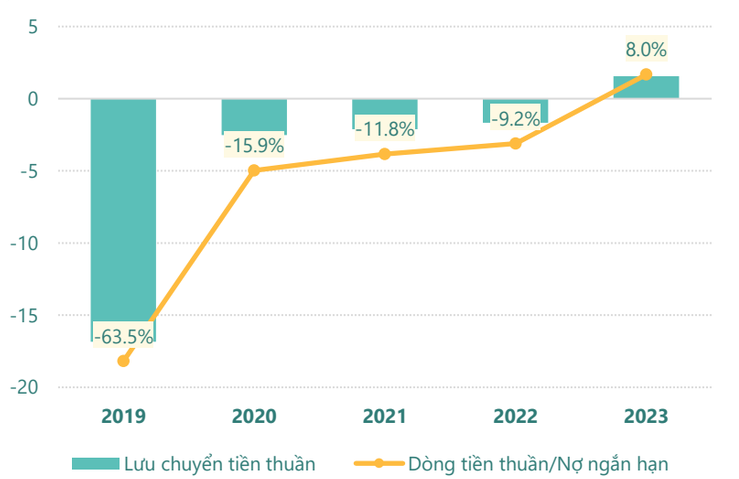
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q3/23	Thay đổi YoY	9T 2024	9T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**61.5**	**62.6**	**-1.7%**	**141**	**140**	**1.0%**
Giá vốn hàng bán	46.9	49.3	-4.8%	105	107	-2.0%
Lợi nhuận gộp	14.6	13.3	9.5%	36.5	33.0	10.6%
Doanh thu HĐTC	0.92	1.03	-10.9%	1.14	1.57	-27.2%
Chi phí TC	0	0.00		0	0	
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	6.35	6.63	-4.3%	17.3	16.9	2.5%
Chi phí QLDN	**3.20**	**2.92**	**9.5%**	**9.65**	**8.74**	**10.5%**
LN thuần từ HĐKD	5.94	4.75	25.1%	10.7	8.95	19.5%
Lợi nhuận khác	**0**	**0.00**		**0**	**0.09**	**-100%**
LN trước thuế	5.94	4.75	25.1%	10.7	9.04	18.3%
Lợi nhuận sau thuế	**4.75**	**3.80**	**25.1%**	**8.56**	**7.23**	**18.3%**
LNST của CĐ cty mẹ	**4.75**	**3.80**	**25.1%**	**8.56**	**7.23**	**18.3%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	25.1	11.3	-27.1	-0.76	26.6	12.9
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-23.9	-7.27	26.4	8.00	-29.2	-4.67
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	-4.93	0.13	0	0	-4.71
Tiền đầu kỳ	3.44	4.64	3.69	3.13	10.4	7.77
Lưu chuyển tiền thuần	**1.19**	**-0.95**	**-0.56**	**7.24**	**-2.60**	**3.54**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	4.64	3.69	3.13	10.4	7.77	11.3

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**129**	**93.6**	**38.2%**
Tài sản ngắn hạn	111	70.1	57.8%
Tiền và tương đương tiền	11.3	3.13	261%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	72.0	45.0	60.0%
Phải thu ngắn hạn	2.65	1.45	82.3%
Hàng tồn kho	24.8	20.3	21.7%
Tài sản ngắn hạn khác	0	0.22	-100%
Tài sản dài hạn	**18.6**	**23.4**	**-20.7%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	13.8	17.8	-22.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**4.74**	**5.64**	**-16.0%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	53.1	19.4	174%
Nợ ngắn hạn	**53.1**	**19.4**	**174%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	5.28	2.01	163%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**76.2**	**74.2**	**2.6%**
Vốn chủ sở hữu	**76.2**	**74.2**	**2.6%**
Vốn điều lệ	40.0	40.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)